

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - QUẢN BẠ

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Xã Quản Bạ

Mã số tuyến: 0808.1722.A

Hành trình tuyến: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - xã Quản Bạ và ngược lại.

Cự ly tuyến: 48km

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 150 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

QĐ 332/QĐ-UBND ngày 08/03/2023

[illegible][illegible]

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - YÊN MINH

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** xã Yên Minh

Mã số tuyển: 0808.1723.A

Hành trình tuyến A: B XK phía Nam Hà Giang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - xã Yên Minh và ngược lại;

Hành trình tuyến B: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Cán tử - Lao và Chải - xã Yên Minh và ngược lại;

Cự ly tuyến: 100 km (A)- 80km (B)

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng (120A-30B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 150 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

[illegible][illegible]

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - ĐỒNG VĂN

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: B XK xã Đồng Văn

Mã số tuyến: 0808.1720.A,B

Hành trình tuyến A: B XK phía Nam Hà Giang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Yên Minh -QL4C -B XK xã Đồng Văn và ngược lại;

Hành trình tuyến B: B XK phía Nam Hà Giang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Cán Tỷ - Lao Và Chải - Yên Minh -QL4C -B XK xã Đồng Văn và ngược lại;

Cự ly tuyến: 148 km (A), 128 km(B)

Tổng số chuyến xe/tháng: 360 chuyến/tháng (60A-330B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 390 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30
2	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00
3	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45
4	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00
5	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00
6	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00
7	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45
8	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30
9	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30
10	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00
11	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30
12	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00
13	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng														
	Ngày 16	Ngày 17	Ngày 18	Ngày 19	Ngày 20	Ngày 21	Ngày 22	Ngày 23	Ngày 24	Ngày 25	Ngày 26	Ngày 27	Ngày 28	Ngày 29	Ngày 30

(Tuyến)	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30	5h00	12h30
2	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00
3	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45	06h30	13h45
4	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00	07h30	15h00
5	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00	9h00	16h00
6	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00
7	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45	12h00	04h45
8	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30
9	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30
10	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00
11	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30	14h30	07h30
12	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00	15h00	09h00
13	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30	16h00	11h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyên: HÀ GIANG - MÈO VẠC

Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe xã Mèo Vạc

Mã số tuyển: 0808.1721.A,B,C

Hành trình tuyến A. BKK phía Nam Hà Giang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Yên Minh - ĐT.176-BKK xã Mèo Vạc và ngược lại;

Hành trình tuyến B. Bến xe khách phía Nam Hà Giang - QL2 (đường Nguyễn Trãi) - QL4C (đường Nguyễn Văn Linh) - rẽ phải đường 3/2 - QL34 - Minh Ngọc - TT Yên Phú, huyện Bắc Mê - Bảo Lâm - Niêm Sơn - BXK xã Mèo Vạc và ngược lại

Hành trình tuyến C: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quân Bạ - Cán Tỷ - Lao Và Chải - Yên Minh -ĐT.176 -BXK xã Mèo Vạc và ngược lại;

Cự ly tuyến: 150 km (A), 155 km (B) 130 km (C)

Tổng số chuyến xe/tháng: 360 chuyến/tháng: 15(A), 30 (B), 315 (C)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 300 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

[illegible]

9	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30
10	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30	5h00	13h30
2	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00	5h30	13h00
3	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10	06h00	12h10
4	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00	07h00	15h00
5	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30	7h30	15h30
6	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00	08h00	11h00
7	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00	11h30	9h00
8	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00	13h00	5h00
9	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30	13h30	8h30
10	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30	15h30	05h30

Ghi chú: Những chuyên xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - BẮC MÊ

Bến xe nơi đi: B XK Phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** xã Bắc Mê

Mã số tuyến: 0808.1724..A

Hành trình tuyến: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - rẽ phải đường 3/2 - QL.34 - Minh Ngọc - xã Bắc Mê và ngược lại.

Cự ly tuyến: 57 km

Tổng số chuyển xe/tháng: 210 chuyển/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 210 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

[illegible][illegible]

5	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00	14h00	8h00
6	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00	15h00	9h00
7	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00	08h00	15h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - XÍN MÀN

Bến xe nơi đi: BXK Phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: BXK Xín Mần

Mã số tuyến: 0808.1719.A,B

Hành trình tuyến A: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 - Tân Quang - Hoàng Su Phì - BXK Xín Mần và ngược lại

Hành trình tuyến B: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 - Tân Quang - TT. Việt Quang - QL.279 - Quang Bình - ĐT.178 - TT. Cốc Pài - BXK Xín Mần và ngược lại

Cự ly tuyến: 141 km và 146 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 240 chuyến/tháng (180A-60B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 150 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 15 phút/chuyến

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00
2	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00
3	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30
4	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00
5	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00	5h45	13h00
2	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00	9h45	9h00
3	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30	10h15	16h30
4	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00	11h45	05h00
5	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00	14h15	06h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - ĐÔNG YÊN

Bên xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bên xe nơi đến: Xã Đông Yên

Mã số tuyến: 0808.1725.A

Hành trình tuyến: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 - Bắc Quang - Vĩnh Tuy - Xã Đông Yên và ngược lại

Cự ly tuyến: 98 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00
2	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00
3	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00	11h30	6h00
2	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00	14h30	8h00
3	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00	16h00	11h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - XUÂN GIANG
Bên xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; **Bên xe nơi đến:** Xã Xuân Giang

Mã số tuyến: 0808.1726.A

Hành trình tuyến A. B XK phía Nam Hà Giang - QL2- Bắc Quang - Đồng Yên - Xuân Giang và ngược lại;

Hành trình tuyến B. B XK phía Nam Hà Giang - QL.2 - Bắc Quang - Vĩnh Hảo- Việt Hồng- Yên Hà - Xuân Giang và ngược lại

Cự ly tuyến: 120; 102 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 210 chuyến/tháng (150A-60B)

Tông số chuyên xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 210 chuyên xe/tháng

Tông số chuyên xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 0 chuyên/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kê (phút/chuyên): 30 phút/chuyên

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05
2	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35
3	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00
4	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30
5	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00
6	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00
7	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05	6h50	12h05
2	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35	7h20	12h35
3	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00	8h15	14h00
4	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30	10h45	5h30
5	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00	12h45	6h00
6	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00	13h15	7h00
7	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30	13h45	7h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - QUANG BÌNH

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** xã Quang Bình

Mã số tuyển: 0808.1727.A

Cự ly tuyến: 85 km

Hành trình tuyến: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 - Vị Xuyên - Tân Quang - Bắc Quang - QL.279 - Xã Quang Bình và ngược lại

Cự ly tuyến: 85 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):120 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

[illegible][illegible]

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - LIÊN HIỆP
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Xã Liên Hiệp
Mã số tuyến: 0808.1728.A

Hành trình tuyến: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 - Vị Xuyên - Bắc Quang - Quang Minh - Bằng Hành - xã Liên Hiệp và ngược lại

Cự ly tuyến: 90 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00
2	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00
3	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00	7h00	13h00
2	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00	14h00	6h00
3	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00	15h00	7h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - HOÀNG SU PHÌ
Bến xe nơi đi: B XK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: xã Hoàng Su Phì
Mã số tuyến: 0808.1729.A

Hành trình tuyến: B XK phía Nam Hà Giang - QL.2 - Vị Xuyên - Tân Quang - ĐT.177 - xã Hoàng Su Phì và ngược lại.

Cự ly tuyến: 100 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liền kề (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00
2	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30
3	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00
2	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30
3	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30	13h00	07h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG - NÀ CHỈ
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Xã Khuôn Lùng
Mã số tuyến: 0808.1730.A

Hành trình tuyến: BXK phía Nam Hà Giang - QL.2 - Vị Xuyên - Tân Quang - Bắc Quang - QL.279 - xã Khuôn Lùng và ngược lại;

Cự ly tuyến: 106 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00
2	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00	12h30	6h00
2	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00	13h30	7h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: BẮC QUANG - NÀ CHÌ

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Xã Khuôn Lùng

Mã số tuyến: 0808.1830.A

Hành trình tuyến: B XK khu vực Bắc Quang - QL.2 - QL.279 - Quang Bình - Xã Khuôn Lùng và ngược lại;

Cự ly tuyến: 50 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kề (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	
1	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30
2	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30
3	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	
1	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30	11h00	15h30
2	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30	14h00	07h30
3	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00	13h00	05h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến
15h30	11h00	15h30
07h30	14h00	07h30
05h00	13h00	05h00

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến
15h30	11h00	15h30
07h30	14h00	07h30
05h00	13h00	05h00

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: BẮC QUANG - HOÀNG SU PHÌ

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Xã Hoàng Su Phì

Mã số tuyến: 0808.1829.A

Hành trình tuyến: B XK huyện Bắc Quang - Tân Quang - ĐT.177 - Tân Lập - Hoàng Su Phì và ngược lại

Cự ly tuyến: 73 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																										
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00
2	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30
3	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																										
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00	13h00	6h00
2	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30	14h30	08h30
3	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00	05h00	10h00

- Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
 - Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
 - Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến
13h00	6h00	13h00
14h30	08h30	14h30
05h00	10h00	05h00

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến
13h00	6h00	13h00
14h30	08h30	14h30
05h00	10h00	05h00

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: BAC QUANG - XIN MÂN

Bên xe nơi đi: Bên xe khách khu vực Bắc Quang; Bên xe nơi đến: BXK Xín Mân

Mã số tuyến: 0808.1819.A, B

Hành trình tuyến A. BXK khu vực Bắc Quang - Tân Quang - ĐT.177 - Tân Lập - Hoàng Su Phì - BXK Xín Mân và ngược lại

Hành trình tuyến B. BXK khu vực Bắc Quang- Quang Bình- Nà Chì- BXK Xín Mân và ngược lại

Cự ly tuyến: 110 km (A), 117km(B)

Tổng số chuyên xe/tháng: 120 chuyên/tháng (A), 30 chuyên/tháng (B)

Tổng số chuyên xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 120 chuyên xe/tháng

Tổng số chuyên xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 30 chuyên/tháng (B)

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyên): 30 phút/chuyên

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	
1	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	
2	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	
3	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	
4	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	
1	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	11h00	05h00	
2	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	12h00	05h30	
3	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	14h00	07h00	
4	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	08h00	14h30	

- Ghi chú:** Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
 - Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
 - Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến
11h00	05h00	11h00
12h00	05h30	12h00
14h00	07h00	14h00
08h00	14h30	08h00

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến
11h00	05h00	11h00
12h00	05h30	12h00
14h00	07h00	14h00
08h00	14h30	08h00

BIÊU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: BAC QUANG -ĐÔNG VAN
Bên xe nơi đi: Bên xe khách khu vực Bắc Quang; **Bên xe nơi đến:** BXK xã Đông Văn
Mã số tuyến: 0808.1820.A
Hành trình tuyến: BXK khu vực Bắc Quang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Cán Tỷ và Chải - Yên Minh -QL4C- BXK xã Đông Văn và ngược lại
Cự ly tuyến: 210 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng
Tông số chuyên xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 90 chuyên xe/tháng
Tông số chuyên xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 30 chuyên/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyên đi liên kê (phút/chuyên): 45 phút/chuyên

nốt (tài)	Giờ xuất bên các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
2	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45
3	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15
4	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45

nốt (tài)	Giờ xuất bên các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
2	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45	05h45	14h45
3	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15	06h30	13h15
4	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45	13h15	05h45

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bên nơi đi và giờ xuất bên nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

7 - Lao

Ngày 15	
Đi	Đến
05h45	14h45
06h30	13h15
13h15	05h45

Ngày 30	
Đi	Đến
05h45	14h45
06h30	13h15
13h15	05h45

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: BẮC QUANG -MÈO VẠC

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: BXK xã Mèo Vạc

Mã số tuyến: 0808.1821.A,B,C

Hành trình chạy xe A: BXK khu vực Bắc Quang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Yên
ĐT.176-BXK xã Mèo Vạc và ngược lại

Hành trình chạy xe B: BXK khu vực Bắc Quang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Cár
Chải - Yên Minh - ĐT.176-BXK xã Mèo Vạc và ngược lại

Hành trình C: BXK khu vực Bắc Quang - QL2(đường Nguyễn Trãi)-QL4C(đường Nguyễn Văn Linh)- Rẽ phải đường 3/2 - QL34- Minh Ngọc -
huyện Bắc Mê - Bảo Lâm - Niêm Sơn - BXK xã Mèo Vạc và ngược lại

Cự ly tuyến: 210 km (A), 190 km(B), 190 km (C)

Tổng số chuyên xe/tháng: 120 chuyên/tháng (30A-60B -30 C)

Tổng số chuyên xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 90 chuyên xe/tháng

Tổng số chuyên xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 30 chuyên/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyên đi liên kê (phút/chuyên): 30 phút/chuyên

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30
2	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30
3	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch trong tháng																											
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30	04h45	14h30
2	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30	05h15	12h30
3	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00	13h45	06h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

à Minh -

à Tỷ- Lao và

· TT Yên Phú,

y 14	Ngày 15	
Đến	Đi	Đến
14h30	04h45	14h30
12h30	05h15	12h30
06h00	13h45	06h00

y 29	Ngày 30	
Đến	Đi	Đến
14h30	04h45	14h30
12h30	05h15	12h30
06h00	13h45	06h00

BIỂU ĐỒ CH**Tên tuyến:** XÍN MẦN -MÈO VẠC**Bến xe nơi đi:** Bến xe khách Xín Mần; **Bến xe nơi đến:** BXK xã Mèo Vạc**Mã số tuyến:** 0808.1921.A**Hành trình chạy xe A:** BXK Xín Mần – Hoàng Su Phì – Tân Quang – QL2 – TP Quyết Tiến - Quản Bạ - Cán tỷ - Lao và Chải - Yên Minh – ĐT. 176- BXK xã Mèo**Cự ly tuyến:** 304 km**Tổng số chuyến xe/tháng:** 30 chuyến/tháng**Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):** 0 chuyến**Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):** 30 chu**Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):**

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngà
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

1

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngà
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

1

- Ghi chú:** Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và gi
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang
 - Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xí
 - Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đ

LẠY XE

Hà Giang - QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) -
 ỏ Vạc và ngược lại

1 xe/tháng
 1 triệu/tháng
 60 phút/chuyến

y âm lịch trong tháng														
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

y âm lịch trong tháng														
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

iờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
 ợ khai thác;
 ã khai thác;
 ăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: ĐỒNG VĂN -MÈO VẠC
Bến xe nơi đi: Bến xe khách xã Đồng Văn; Bến xe nơi đến: B XK xã Mèo Vạc
Mã số tuyến: 0808.2021.A
Hành trình chạy xe A: B XK xã Đồng Văn – Thiên Hương – Má Lủ - Mỏ Phàng – Sơn
Cự ly tuyến: 65 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe/
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến/t
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00
2	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00
2	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuấ
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã khai
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng k

XE

Vĩ – BXK xã Mèo Vạc và ngược lại

tháng
ráng
30 phút/chuyến

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00
13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00
lịch trong tháng													
Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00	06h00	10h00
13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00	13h00	16h00

t bên nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
thác;
thác;
ý khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CH

Tên tuyến: Tuyên Quang - Chiêm Hoá

Bến xe nơi đi: Bến xe khách Tuyên Quang; **Bến xe nơi đến:** BXK Chiêm Hoá

Mã số tuyến: 0808.1112.A, B

Hành trình chạy xe A: BX Tuyên Quang - QL2 - QL3B - BX Chiêm Hoá và ngược

Hành trình chạy xe B: BX Tuyên Quang – xã Tràng Đà - QL2C – xã Tân Long - :
Hoá và ngược lại.

Cự ly tuyến: 68 km A-72B

Tổng số chuyến xe/tháng: 300 chuyến/tháng A- 240 B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 211 chuy

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 319 ch

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35
2	05h40	15h00	05h40	15h00			05h40	15h00			05h40	15h00	05h40	15h00	05h40
3			10h30	06h45	10h30	06h45	10h30	06h45	10h30	06h45	10h30	06h45			10h30
4	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00
5			11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	
6	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45
7			15h10	11h30	15h10	11h30	15h10	11h30			15h10	11h30			15h10
8	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35
2	05h40	15h00	05h40	15h00			05h40	15h00	05h40	15h00	05h40	15h00	05h40	15h00	05h40
3	10h30	06h45	10h30	06h45	10h30	06h45	10h30	06h45	10h30	06h45			10h30	06h45	10h30
4	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00
5	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15			11h45
6	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45
7	15h10	11h30			15h10	11h30	15h10	11h30	15h10	11h30	15h10	11h30	15h10	11h30	15h10
8	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ
 - Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang
 - Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã
 - Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đ

LẠY XE

ợc lại
xã Xuân Vân - xã Kiến Thiết - xã Kim Bình - xã Vinh Quang - BX Chiêm

ến xe/tháng A
uyên/tháng
10 phút/chuyến

y âm lịch trong tháng															
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15		
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	
15h00	05h40	15h00	05h40	15h00	05h40	15h00			05h40	15h00	05h40	15h00	05h40	15h00	
06h45	10h30	06h45	10h30	06h45			10h30	06h45	10h30	06h45	10h30	06h45			
07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	
	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15			
07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	
11h30	15h10	11h30	15h10	11h30	15h10	11h30	15h10	11h30	15h10	11h30			15h10	11h30	
07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	
y âm lịch trong tháng															
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30		Ngày
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35	14h00	04h35
15h00			05h40	15h00	05h40	15h00	05h40	15h00	05h40	15h00	05h40	15h00			05h40
06h45	10h30	06h45	10h30	06h45	10h30	06h45	10h30	06h45			10h30	06h45	10h30	06h45	10h30
07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	11h00	07h10	
08h15	11h45	08h15			11h45	08h15	11h45	08h15	11h45	08h15			11h45	08h15	11h45
07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	12h45	07h20	
11h30	15h10	11h30	15h10	11h30	15h10	11h30			15h10	11h30	15h10	11h30	15h10	11h30	15h10
07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45	07h45	15h45

ờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

- ợ khai thác;
- ã khai thác;
- ăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

y 31
Đến
14h00
15h00
06h45
08h15
11h30
07h45

BIEU Đ

Tên tuyên: Tuyên Quang - Nà Hang

Bên xe nơi đi: Bên xe khách Tuyên Quang; **Bên xe nơi đến:** BXK Nà Hang

Mã số tuyên: 0808.1113.A, B

Hành trình chạy xe A:Bến xe Tuyên Quang - QL2 - QL3B - Thị trấn Vĩnh Lộc - QL2C

Hành trình chạy xe B: BX Tuyên Quang – QL2 – QL3B – TT Vĩnh Lộc – ĐT188 - Xã – Xã Thượng Lâm - ĐT185 - xã Năng Khả - BX Nà Hang và ngược lại.

Cự ly tuyên: 111 km A-152B

Tổng số chuyên xe/tháng: 750 chuyên/tháng A- 450 B

Tổng số chuyên xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 696 chuyên xe

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 504 chuyến.

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bên cá													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	05h00	14h15			05h00	14h15	05h00	14h15	05h00	14h15	05h00	14h15	05h00	14h15
2			5h25	15h10	5h25	15h10	5h25	15h10			5h25	15h10	5h25	15h10
3	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55
4	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20
5	6h05	15h45	6h05	15h45			6h05	15h45	6h05	15h45	6h05	15h45	6h05	15h45
6	6h40	14h25	6h40	14h25	6h40	14h25			6h40	14h25	6h40	14h25	6h40	14h25
7	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40
8	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00
9	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00
10	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00
11	11h00	07h50	11h00	07h50			11h00	17h00	11h00	17h00	11h00	07h50	11h00	07h50
12	10h50	5h45	10h50	05h45	10h50	05h45	10h50	05h45	10h50	05h45	10h50	05h45	10h50	05h45
13	11h40	8h30	11h40	08h30	11h40	08h30	11h40	08h30	11h40	08h30	11h40	08h30		
14	12h05	6h15	12h05	06h15	12h05	06h15	12h05	06h15	12h05	06h15	12h05	06h15	12h05	06h15
15	13h25	9h00	13h25	09h00	13h25	09h00	13h25	09h00	13h25	09h00	13h25	09h00	13h25	09h00
16	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55
17	14h35	9h20	14h35	09h20	14h35	09h20	14h35	09h20	14h35	09h20	14h35	09h20	14h35	09h20
18	15h00	7h40	15h00	07h40	15h00	07h40	15h00	07h40	15h00	07h40	15h00	07h40	15h00	07h40
19	15h25	8h20	15h25	08h20	15h25	08h20	15h25	08h20	15h25	08h20	15h25	08h20	15h25	08h20
20	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45
21	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h30	10h00	04h05	10h00	04h05
22	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h45	13h45	04h30	13h45	04h30
23	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45
nốt (tài)	Giờ xuất bên cá													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1			05h00	14h15	05h00	14h15	05h00	14h15	05h00	14h15	05h00	14h15		
2	5h25	15h10			5h25	15h10	5h25	15h10	5h25	15h10			5h25	15h10
3	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55	05h40	14h55

4	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20
5	6h05	15h45	6h05	15h45	6h05	15h45	6h05	15h45			6h05	15h45	6h05	15h45
6	6h40	14h25			6h40	14h25	6h40	14h25	6h40	14h25	6h40	14h25		
7	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40
8	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00
9	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00
10	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00
11	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50
12	10h50	5h45	10h50	5h45	10h50	5h45	10h50	5h45	10h50	5h45	10h50	5h45	10h50	05h45
13	11h40	8h30	11h40	8h30	11h40	8h30	11h40	8h30	11h40	8h30	11h40	8h30	11h40	08h30
14	12h05	6h15	12h05	6h15	12h05	6h15	12h05	6h15	12h05	6h15	12h05	6h15	12h05	06h15
15	13h25	9h00	13h25	9h00	13h25	9h00	13h25	9h00	13h25	9h00	13h25	9h00	13h25	09h00
16	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55
17	14h35	9h20	14h35	9h20	14h35	9h20	14h35	9h20	14h35	9h20	14h35	9h20	14h35	09h20
18	15h00	7h40	15h00	7h40	15h00	7h40	15h00	7h40	15h00	7h40	15h00	7h40	15h00	07h40
19	15h25	8h20	15h25	8h20	15h25	8h20	15h25	8h20	15h25	8h20	15h25	8h20	15h25	08h20
20	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45
21	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05
22	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30
23	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45

Ghi chú: Những chuyên xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và g

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đ
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác x
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đ

ĐO CHẠY XE

Đ - Bến xe Nà Hang

Xuân Quang – Xã Phúc Sơn – Xã Thổ Bình – Xã Bình An – Đèo Khau Lắc – Xã Lăng

e/tháng

v/tháng

10 phút/chuyến

c ngày âm lịch trong tháng

[illegible]

c ngày âm lịch trong tháng

[illegible]

7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55	13h20	7h55
6h05	15h45	6h05	15h45	6h05	15h45	6h05	15h45	6h05	15h45			6h05	15h45	6h05
6h40	14h25	6h40	14h25	6h40	14h25	6h40	14h25	6h40	14h25	6h40	14h25			6h40
7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05	11h40	7h05
7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30	13h00	7h30
8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30	14h00	8h30
10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10	16h00	10h10
11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00	07h50	11h00
10h50	5h45	10h50	5h45	10h50	5h45	10h50	5h45	10h50	05h45	10h50	5h45	10h50	5h45	10h50
11h40	8h30	11h40	8h30	11h40	8h30	11h40	8h30	11h40	08h30	11h40	8h30	11h40	8h30	11h40
12h05	6h15	12h05	6h15	12h05	6h15	12h05	6h15	12h05	06h15	12h05	6h15	12h05	6h15	12h05
13h25	9h00	13h25	9h00	13h25	9h00	13h25	9h00	13h25	09h00	13h25	9h00	13h25	9h00	13h25
14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10	06h55	14h10
14h35	9h20	14h35	9h20	14h35	9h20	14h35	9h20	14h35	09h20	14h35	9h20	14h35	9h20	14h35
15h00	7h40	15h00	7h40	15h00	7h40	15h00	7h40	15h00	07h40	15h00	7h40	15h00	7h40	15h00
15h25	8h20	15h25	8h20	15h25	8h20	15h25	8h20	15h25	08h20	15h25	8h20	15h25	8h20	15h25
21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00	14h45	21h00
10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00	04h05	10h00
13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45	04h30	13h45
15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45	04h45	15h45

iờ xuất bên nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt mẫu:
 g khai thác;
 ã khai thác;
 ăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

Can

y 15	
Đến	
14h15	
15h10	
14h55	
13h20	
15h45	
14h25	
11h40	
13h00	
14h00	
16h00	
07h50	
5h45	
8h30	
6h15	
9h00	
06h55	
9h20	
7h40	
8h20	
14h45	
04h05	
04h30	
04h45	
y 30	Ngày 31
Đến	Đi Đến
14h15	05h00 14h15
15h10	5h25 15h10
14h55	

13h20	7h55	13h20
15h45		
14h25	6h40	14h25
11h40	7h05	11h40
13h00	7h30	13h00
14h00	8h30	14h00
16h00	10h10	16h00
07h50	11h00	07h50
5h45	10h50	5h45
8h30	11h40	8h30
6h15	12h05	6h15
9h00	13h25	9h00
06h55	14h10	06h55
9h20	14h35	9h20
7h40	15h00	7h40
8h20	15h25	8h20
14h45	21h00	14h45
04h05	10h00	04h05
04h30	13h45	04h30
04h45	15h45	04h45

BIỂU ĐỒ CH

Tên tuyến: Tuyên Quang - Sơn Dương
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Tuyên Quang; Bến xe nơi đến: BXK Sơn Dương
Mã số tuyến: 0808.1114.A, B
Hành trình chạy xe A: BX Tuyên Quang – cầu Nông Tiến – QL37 – BX Sơn Dục
Hành trình chạy xe B: BX Tuyên Quang – QL2 – ĐT186 - cầu An Hoà – QL37 –
Cự ly tuyến: 33 km A-32B
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng A- 90 B
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 ch
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày													
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày													
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đ

LẠY XE

ng và ngược lại.
- BX Sơn Dương và ngược lại.

1 xe/tháng
uyên/tháng
10 phút/chuyến

y âm lịch trong tháng													
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
y âm lịch trong tháng													
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

ờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
g khai thác;
ã khai thác;
ăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CH

Tên tuyến: Tuyên Quang - Hàm Yên
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Tuyên Quang; Bến xe nơi đến: BXK Hàm Yên
Mã số tuyến: 0808.1115.A
Hành trình chạy xe A: BX Tuyên Quang – QL2 – BX Hàm Yên và ngược lại
Cự ly tuyến: 43 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 26 chuyến
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 64 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	12h30	07h00	12h30	07h00			12h30	07h00			12h30	07h00			12h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ đến nơi đến)

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đ

LẠY XE

ên xe/tháng
uyên/tháng
15 phút/chuyến

y âm lịch trong tháng														
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00			12h30	07h00		
y âm lịch trong tháng														
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00	12h30	07h00

ờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
g khai thác;
ã khai thác;
ăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CH

Tên tuyến: Tuyên Quang - Kim Xuyên
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Tuyên Quang; Bến xe nơi đến: BXK Kim Xuyên
Mã số tuyến: 0808.1116.A
Hành trình chạy xe A: BX Tuyên Quang – QL37 – ĐT186 – Đông Thọ - Chi Thi
Hành trình chạy xe B: BX Tuyên Quang – Cầu Nông Tiến – QL37 – ngã 3 Ông ' ngược lại
Cự ly tuyến: 47 km A- 72 km B
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng A- 120 B
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đ

LẠY XE

liệt – Bx Kim Xuyên và ngược lại
Việt – QL2C – Sơn Nam – ĐT186 - Đại Phú – Tam Đa – Bx Kim Xuyên và

ên xe/tháng A
uyên/tháng
10 phút/chuyến

y âm lịch trong tháng														
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30
y âm lịch trong tháng														
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30	11h30	06h30

ờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
g khai thác;
ã khai thác;
ăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CF

Tên tuyến: Chiêm Hoá - Nà Hang
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Chiêm Hoá; Bến xe nơi đến: BXK Nà Hang
Mã số tuyến: 0808.1213.A, B, C
Hành trình chạy xe A: BX Chiêm Hoá – QL2C – Bến xe Na Hang và ngược lại
Hành trình chạy xe B: BX Chiêm Hoá – ĐT188 – Phúc Sơn – QL279 – Năng Khả - B
Hành trình chạy xe C: Bến xe Chiêm Hóa – ĐT188 – Xã Phúc Sơn – Xã Thổ Bình –
Năng Khả - BK Nà Hang và ngược lại
Cự ly tuyến: 37 km A- 55 km B - 92 Km C
Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng A- 240 B - 240 C
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến xe
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 540 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00
2	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00
2	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ :
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang k
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã k
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăn

LẠY XE

lên xe Nà Hang và ngược lại
Xã Bình An – Đèo Khau Lắc – Xã Lãng Can – Xã Thượng Lâm - ĐT185 - xã

xe/tháng C
xe/tháng
10 phút/chuyến A, B- 7 p/ch C

Lịch âm lịch trong tháng													
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00
16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00
Lịch âm lịch trong tháng													
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00	04h00	16h00
16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00	16h30	13h00

xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
hai thác;
hai thác;
g ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CF

Tên tuyến: Chiêm Hoá - Sơn Dương
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Chiêm Hoá; Bến xe nơi đến: BXK Sơn Dương
Mã số tuyến: 0808.1214.A, B
Hành trình chạy xe A: BX Chiêm Hoá – QL3B – QL2 – đường tránh thành phố Tuyên
Hành trình chạy xe B: BX Chiêm Hoá – QL3B – QL2 – thành phố Tuyên Quang – cầu
Cự ly tuyến: 96 km A- 95 km B
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng A- 90B
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ :
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang k
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã k
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã dẫn;

LẠY XE

n Quang – QL37 – BX Sơn Dương và ngược lại
 u Nông Tiến - QL37 – BX Sơn Dương và ngược lại

tháng C
 n/tháng
 15 phút/chuyến A - 10 p/ch B

y âm lịch trong tháng													
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
y âm lịch trong tháng													
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
 hai thác;
 hai thác;
 g ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CF

Tên tuyến: Chiêm Hoá - Hàm Yên
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Chiêm Hoá; Bến xe nơi đến: BXK Hàm Yên
Mã số tuyến: 0808.1215.A
Hành trình chạy xe A: BX Chiêm Hoá – QL3B – QL2 – Bến xe Hàm Yên và ngược lại
Cự ly tuyến: 47 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ :
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang k
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã k
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăn

LẠY XE

ại

tháng
 /tháng
 20 phút/chuyến

ịch âm lịch trong tháng													
ịch 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đến
ịch âm lịch trong tháng													
ịch 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đến

xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
 hai thác;
 hai thác;
 g ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CF

Tên tuyến: Chiêm Hoá - Kim Xuyên
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Chiêm Hoá; Bến xe nơi đến: BXK Kim Xuyên
Mã số tuyến: 0808.1216.A
Hành trình chạy xe A:BX Chiêm Hoá – QL3B – QL2 - TP Tuyên Quang – Cầu Nông
Cự ly tuyến:111 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ :
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang k
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã k
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăn

LẠY XE

Tiến – QL37 – ĐT186 – Đông Thọ - Chi Thiết – Bx Kim Xuyên và ngược lại

tháng
 /tháng
 10 phút/chuyến

Lịch âm lịch trong tháng															
Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
Lịch âm lịch trong tháng															
Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
 hai thác;
 hai thác;
 g ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CF

Tên tuyến: Nà Hang - Sơn Dương
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Chiêm Hoá; **Bến xe nơi đến:** BXK Sơn Dương
Mã số tuyến: 0808.1314.A, B
Hành trình chạy xe A: BX Nà Hang – QL2C – thị trấn Vĩnh Lộc – QL3B – QL2 – đư Sơn Dương và ngược lại
Hành trình chạy xe B: BX Nà Hang – QL2C – thị trấn Vĩnh Lộc – QL2C – Vĩnh Qua
Cự ly tuyến: 132 km A- 135 km B
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng A- 90B
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ :
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang k
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã k
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăn

LẠY XE

ờng tránh thành phố Tuyên Quang – QL2 – Cầu An Hoà – ĐT186 – QL37 – BX

ng – Kim Bình – Kiến Thiết – Tân Long – QL37 – BX Sơn Dương và ngược lại

tháng C
n/tháng
10 phút/chuyến A

y âm lịch trong tháng														
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
y âm lịch trong tháng														
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
hai thác;
hai thác;
g ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CF

Tên tuyến: Nà Hang - Hàm Yên
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Na Hang; Bến xe nơi đến: BXK Hàm Yên
Mã số tuyến: 0808.1315.A
Hành trình chạy xe A: BX Nà Hang – QL2C – thị trấn Vĩnh Lộc – QL3B – QL2 – BX
Cự ly tuyến: 83km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ :
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang k
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã k
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăn

LẠY XE

3 Hàm Yên và ngược lại

tháng
 /tháng
 10 phút/chuyến A

7 âm lịch trong tháng															
Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	
7 âm lịch trong tháng															
Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	

xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
 hai thác;
 hai thác;
 g ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CF

Tên tuyến: Nà Hang - Kim Xuyên
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Nà Hang; **Bến xe nơi đến:** BXK Kim Xuyên
Mã số tuyến: 0808.1316.A
Hành trình chạy xe A: BX Nà Hang – QL2C – thị trấn Vĩnh Lộc – QL3B – QL2 – TP Kim Xuyên và ngược lại
Cự ly tuyến:146 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ :
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang k
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã k
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã dẫn

LẠY XE

Tuyên Quang – cầu Nông Tiến – QL37 - ĐT186 – Đông Thọ - Chi Thiết – Bx

tháng
/tháng
15 phút/chuyến

âm lịch trong tháng															
Ngày 8		Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
âm lịch trong tháng															
Ngày 23		Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
hai thác;
hai thác;
g ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CF**Tên tuyến:** Sơn Dương - Hàm Yên**Bến xe nơi đi:** Bến xe khách Sơn Dương; **Bến xe nơi đến:** BXK Hàm Yên**Mã số tuyến:** 0808.1415. A, B**Hành trình chạy xe A:** BX Sơn Dương – QL37 – cầu Nông Tiến – thành phố Tuyên C**Hành trình chạy xe B:** BX Sơn Dương – QL37 – ĐT186 – cầu An Hoà – QL2 – đường**Cự ly tuyến:** 73 km A- 74km B**Tổng số chuyến xe/tháng:** 90 chuyến/tháng A- 90B**Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):** 0 chuyến xe/**Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):** 180 chuyến**Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):**

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ :

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang k
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã k
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăn

LẬY XE

Quang - QL2 – BX Hàm Yên và ngược lại

g tránh thành phố Tuyên Quang – QL2 - _ BX Hàm Yên và ngược lại

tháng

n/tháng

15 phút/chuyến

y âm lịch trong tháng														
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
y âm lịch trong tháng														
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:

hai thác;

hai thác;

g ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CF

Tên tuyến: Hàm Yên - Kim Xuyên
Bến xe nơi đi: Bến xe khách Hàm Yên; **Bến xe nơi đến:** BXK Kim Xuyên
Mã số tuyến: 0808.1516. A, B
Hành trình chạy xe A: BX Hàm Yên – QL2 – đường tránh thành phố Tuyên Quang – ngược lại
Hành trình chạy xe B: BX Hàm Yên – QL2 – TP Tuyên Quang – cầu Nông Tiến – QL
Cự ly tuyến: 88 km A- 87 km B
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng A- 90B
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chuyến
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày														
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ :
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang k
- Màu trắng là chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã k
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăn

LẠY XE

cầu An Hoà – QL37 - ĐT186 – Đông Thọ - Chi Thiết – Bx Kim Xuyên và

37 - ĐT186 – Đông Thọ - Chi Thiết – Bx Kim Xuyên và ngược lại

tháng
n/tháng
15 phút/chuyến

y âm lịch trong tháng														
Ngày 8	Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
y âm lịch trong tháng														
Ngày 23	Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc phân biệt màu:
hai thác;
hai thác;
g ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyên: HÀ GIANG - TUYÊN QUANG

Bến xe nơi đi:BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Tuyên Quang

Mã số tuyển: 0808.1117.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam Hà Giang - QL2- Bắc Quang- Hàm Yên - I

Cự ly tuyến: 156 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 900 chuyến/tháng

Tổng số chuyên xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyên xe/tháng): 450 chuyên x

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):450 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

[illegible][illegible]

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo quy

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm

3X khách Tuyên Quang và ngược lại

e/tháng

✓tháng

15 phút/chuyến

[illegible][illegible]

ên tắc phân biệt màu:

tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: HÀ GIANG - TUYỀN QUANG

Bến xe nơi đi: BXK Xín Mần; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Tuyen Quang

Mã số tuyến: 0808.1119.A,B

Hành trình tuyến: (A) BXK Xín Mần- Hoàng Su Phì- Tân Quang- Bắc Quang- QL2-

Hành trình B: BXK Xín Mần - Quang Bình - Xuân Giang - Ngã 3 Vĩnh Tuy - QL2 -

Cự ly tuyến:190km

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng (cả A-B);

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến x

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1			04h00				04h00				04h00				04h00	
2	6h30				6h30				6h30				6h30			
3	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30
4	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	04h00				04h00				04h00				04h00			
2			6h30				6h30				6h30				6h30	
3	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30
4	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra

XE

Bến xe khách Tuyên Quang và ngược lại; (B) BXK Tuyên Quang-
BXK Tuyên Quang và ngược lại

e/tháng
1/tháng
60 phút/chuyến

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
		04h00				04h00				04h00			
6h30				6h30				6h30				6h30	
04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30
11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20

Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
04h00				04h00				04h00				04h00	
		6h30				6h30				6h30			
04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30	04h45	11h30
11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20	11h30	03h20

tắc phân biệt màu:

1 Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: HÀ GIANG - TUYỀN QUANG

Bến xe nơi đi: BXK Mèo Vạc; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Tuyen Quang

Mã số tuyến: 0808.1121.A

Hành trình tuyến: (A) BXK Tuyen Quang - QL2 - Hàm Yên - Bắc Quang - QL2 - th
Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quản Bạ - Yên Minh - TL176- BX Mèo Vạc

Cự ly tuyến: 306 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 60 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/c

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00
2	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00
2	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc ph

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ s

XE

ành phốHà Giang - QL2 (đường NguyễnTrãi) - QL4C (Đường

xe/tháng
n/tháng
huyện

trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00
14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30

trong tháng													
Ngày24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00	07h15	06h00
14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30	14h15	02h30

ân biệt mẫu:

Ơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: HÀ GIANG -TUYÊN QUANG

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Tuyên Quang

Mã số tuyến: 0808.1118.A

Hành trình tuyến: BX khách khu vực Bắc Quang- QL2- Bến xe khách Tuyên Quang

Cự ly tuyến: 100km

Tổng số chuyến xe/tháng: 100 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 100 chuyến xe

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo ng
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang ki

tyên Quang

ng

xe/tháng
tyên/tháng
30 phút/chuyến

trong tháng												
Ngày 9	Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ngày 24	Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

nguyên tắc phân biệt màu:

ểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: TUYÊN QUANG -TUYÊN QUANG

Bến xe nơi đi: BXK xã Đồng Văn; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Tuyên Quang

Mã số tuyến: 0808.1120.A, B,C

Hành trình tuyến A : BXK xã Đồng Văn- QL4C- Yên Minh- Quản Bạ- Quyết Tiến

Hành trình B: BX xã Đồng Văn - QL4C - Yên Minh - Laovà Chải - Cán tỷ - Quản Bạ - QL2(đường Nguyễn Trãi) - TP Hà Giang -QL2 - Bắc Quang - Hàm Yên - BXK Tuyên Quang

Hành trình B: BXK Tuyên Quang - Cầu Nông Tiến - QL3B - Chiêm Hoá - QL2C - Bắc Mê - QL34 - QL4C - BXK xã Đồng Văn

Cự ly tuyến: 305km (A), 282km(B) - 410 C

Tổng số chuyến xe/tháng: 120 chuyến/tháng (0A-90B- 30 C)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch																
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30
2	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30
3	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00
4	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi
1	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30
2	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30
3	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00
4	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) 1

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở c

Ôn-QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) - QL.2 (đường
 Bạ - Quyết Tiến -QL4C (đường Nguyễn Văn Linh) -
 yên Quang
 Nhà Hang - QL279 - Côn Lôn - ĐT 176 (Thượng Nông) -

ến xe/tháng
 ến/tháng
 30 phút/chuyến

trong tháng												
Ngày 9	Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20
05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00
03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20
07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00

Ngày 24	Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20	07h30	05h20
05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00	10h30	05h00
03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20	05h00	03h20
07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00	09h30	07h00

theo nguyên tắc phân biệt màu:

đang kiểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: HÀ GIANG - CHIÊM HOÁ

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Chiêm Hóa

Mã số tuyến: 0808.1217.A, B

Hành trình tuyến A: Bến xe khách phía Nam Hà Giang - Hà Giang (QL2)- Bắc Quang

Hành trình tuyến B: Bến xe khách phía Nam Hà Giang - Hà Giang (QL2)- Vị Xuyên và ngược lại

Cự ly tuyến: 165 km; 120 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 150 chuyến/tháng (120 chuyến/ tháng HT A, 30 chuyến/ tháng HT B)

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
2	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00
3	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
2	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00
3	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo quy

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm

XE

uang - Km31- BX Chiêm Hóa và ngược lại
yên- Tân Quang- Ngã ba Bắc Há- QL279- Liên Hiệp- BX Chiêm

0 chuyến/tháng HT B)
n xe/tháng A
yến/tháng
60 phút/chuyến

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00
12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30

Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00	07h30	12h00
12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30	12h30	06h30

ên tắc phân biệt màu:

tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: Mèo Vạc - Chiêm Hoá

Bến xe nơi đi: BXK xã Mèo Vạc; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Chiêm Hóa

Mã số tuyến: 0808.1221.A, B

Hành trình tuyến: (A) BXK xã Mèo Vạc - Yên Minh- Quản Bạ- Quyết Tiến - QL4C Chiêm Hóa và ngược lại

Hành trình tuyến: (B) BXK Mèo Vạc - Yên Minh- Quản Bạ- Quyết Tiến - QL4C- QL QL279 - Liên Hiệp - ĐT 188- BXK Chiêm Hóa và ngược lại

Cự ly tuyến: 315 Km (A), 290 Km (B)

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng A - 90 chuyến/tháng B

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 150 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 60 phút/chuyến

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc ph

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra Hồ s

XE

1- QL2- TP Hà Giang - QL2- Bắc Quang - QL2- KM 31- BXK

2- TP Hà Giang - Vị Xuyên - Tân Quang - Ngã 3 Bắc Hà -

xe/tháng

tyền/tháng

huyền

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00

lịch trong tháng													
Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00	07h45	05h00

ân biệt mẫu:

Ơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: Chiêm Hoá- Bắc Quang
Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Chiêm Hoá
Mã số tuyến: 0808.1218.A, B
Hành trình tuyến: (A) BX khách khu vực Bắc Quang- QL2-TL190- Bến xe khách Chiêm Hoá
Hành trình B: BXK khu vực Bắc Quang-QL279-TL188-BX Chiêm Hóa và ngược lại.
Cự ly tuyến: 105km
Tổng số chuyến xe/tháng: 105 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 105 chuyến xe/tháng
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến): 30 p

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch tron																	
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8		Ngày 9	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23		Ngày 24	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tr

m Hóa

liêm Hóa và ngược lại;

háng

n/tháng

hút/chuyển

ng tháng											
Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

tắc phân biệt màu:

a Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: Chiêm Hoá - Đồng Văn

Bến xe nơi đi: BXK xã Đồng Văn; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Chiêm Hóa

Mã số tuyến: 0808.1220.A,B,C

Hành trình tuyến A: BXK xã Đồng Văn- QL4C- Yên Minh- Quản Bạ- Quyết Tiến-Q Hà Giang- QL2- Bắc Quang- Km31- QL2- BXK Chiêm Hóa và ngược lại

Hành trình B : BXK xã Đồng Văn- Mèo Vạc-QL279-QL2C-BX Chiêm Hóa và ngược lại

Hành trình C: BXK xã Đồng Văn-Mèo Vạc-QL34 (Bảo Lâm-Bắc Mê)-QL279-Thị trấn

Cự ly tuyến: 305 km;

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 30 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00
2	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00
2	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo ng

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang ki

XE

QL.4C (đường Nguyễn Văn Linh) -QL.2 (đường Nguyễn Trãi) - TP

c lại

in Na Hang-QL2C-BX Chiêm Hóa và ngược lại

e/tháng

1/tháng

30 phút/chuyến

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00
08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'

Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00	06h00
08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'	08h00	06h15'

uyên tắc phân biệt màu:

ểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: TUYÊN QUANG - TUYÊN QUANG

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Nà Hang

Mã số tuyến: 0808.1317.A,B,C

Hành trình tuyến A : Bến xe khách phía Nam- Bắc Quang- Hàm Yên- QL2- ĐT190

Hành trình tuyến B : Bến xe khách phía Nam- QL2- QL279- ĐT185- QL2C- Bến xe

Hành trình C: BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - QL279 -ĐT188 - Thị trấn Lãng Can
- BX Nà Hang

Cự ly tuyến (A): 180 km; Cự ly tuyến (B): 102 km, 167km ©

Tổng số chuyến xe/tháng: A-60 chuyến/tháng; B-60 chuyến/tháng; 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng):210 chuy

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo ng

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang ki

XE

- QL2C- Bến xe khách Nà Hang và ngược lại;
e khách Nà Hang và ngược lại;
(ĐT185) - xã Khuôn Hà - xã Thượng Lâm - ĐT185 -QL279 - QL2C

; (C)
e/tháng
ến/tháng
60 phút/chuyến

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

uyên tắc phân biệt màu:

ểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: Bắc Quang - Nà Hang

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; Bến xe nơi đến: Bến xe khách Nà Hang

Mã số tuyến: 0808.1318.A

Hành trình tuyến: BX khách khu vực Bắc Quang- QL2-QL279-TL188- Bến xe khách Nà Hang

Cự ly tuyến: 90km

Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe/tháng

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe/tháng

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo ng
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang ki

à Hang

ch Nà Hang và ngược lại.

e/tháng

ến/tháng

30 phút/chuyến

trong tháng												
Ngày 9	Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ngày 24	Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

guyên tắc phân biệt màu:

ểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: HÀ Giang - Sơn Dương
Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Sơn Dương
Mã số tuyến: 0808.1417.A
Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam Hà Giang - BX phía Nam HG- QL2 - Vị Xuyên - Xã Kim Xuyên- Bến xe khách Sơn Dương và ngược lại
Cự ly tuyến: 225 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 90 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 90 chuyến xe
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc:
- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra

XE

Xuyên - Đường tránh QL2- QL2- Đoan Hùng- Bến Phà Kim Xuyên1-

/tháng
n/tháng
30 phút/chuyến

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

tắc phân biệt màu:

1 Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY XE

Tên tuyến: Sơn Dương - Bắc Quang

Bến xe nơi đi: Bến xe khách khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe khách Sơn D

Mã số tuyến: 0808.1418.A

Hành trình tuyến: BX khách khu vực Bắc Quang- QL2- QL37- Bến xe khách Sơn D

Cự ly tuyến: 165km

Tổng số chuyến xe/tháng: 165 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến xe

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

Nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm lịch															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo ng

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang ki

1 Dương

ương và ngược lại

:/tháng

n/tháng

30 phút/chuyến

trong tháng												
Ngày 9	Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ngày 24	Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

uyên tắc phân biệt màu:

ểm tra Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: HÀ GIANG - KIM XUYÊN

Bến xe nơi đi: BXK phía Nam Hà Giang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Kim Xuyên

Mã số tuyến: 0808.1617.A

Hành trình tuyến: Bến xe khách phía Nam Hà Giang - QL2- Cầu Kim Xuyên- BXK

Cự ly tuyến: 190 km

Tổng số chuyến xe/tháng: 180 chuyến/tháng

Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 60 chuyến

Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 120 chuyến

Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00
2	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
1	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00
2	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên tắc:

- Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;

- Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra

XE

chách Kim Xuyên và ngược lại

xe/tháng
yền/tháng
60 phút/chuyến

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00
12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00

Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến
06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00	06h10	13h00
12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00	12h30	06h00

tắc phân biệt màu:

1 Hồ sơ.

BIỂU ĐỒ CHẠY

Tên tuyến: Bắc Quang - Kim Xuyên
Bến xe nơi đi: B XK khu vực Bắc Quang; **Bến xe nơi đến:** Bến xe Kim Xuyên
Mã số tuyến: 0808.1618.A
Hành trình tuyến: Bến xe khách khu vực Bắc Quang - QL2- Cầu Kim Xuyên- BX k
Cự ly tuyến: 130 km
Tổng số chuyến xe/tháng: 180 chuyến/tháng
Tổng số chuyến xe đã có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 0 chuyến x
Tổng số chuyến xe chưa có đơn vị đăng ký khai thác (chuyến xe/tháng): 180 chu
Giãn cách thời gian tối thiểu giữa các chuyến đi liên kế (phút/chuyến):

nốt (tài)	Giờ xuất bến các ngày âm															
	Ngày 1		Ngày 2		Ngày 3		Ngày 4		Ngày 5		Ngày 6		Ngày 7		Ngày 8	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Nốt (tài)	Ngày 16		Ngày 17		Ngày 18		Ngày 19		Ngày 20		Ngày 21		Ngày 22		Ngày 23	
	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ghi chú: Những chuyến xe (gồm giờ xuất bến nơi đi và giờ xuất bến nơi đến) theo nguyên t
 - Màu xanh là có doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác;
 - Màu vàng là có doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký khai thác Sở đang kiểm tra

XE

chách Kim Xuyên và ngược lại

xe/tháng
yến/tháng
30 phút/chuyến

lịch trong tháng													
Ngày 9		Ngày 10		Ngày 11		Ngày 12		Ngày 13		Ngày 14		Ngày 15	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

Ngày 24		Ngày 25		Ngày 26		Ngày 27		Ngày 28		Ngày 29		Ngày 30	
Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến	Đi	Đến

tắc phân biệt màu:

1 Hồ sơ.